

Số: **1610** / BNN-KTHT
V/v hướng dẫn thực hiện Chương trình bố trí
dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg
của Thủ tướng Chính phủ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 21 tháng 11 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1776/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020 (gọi tắt là Chương trình bố trí dân cư). Trong khi chờ Thông tư hướng dẫn, để kịp triển khai thực hiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện quyết định này như sau:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Thực hiện quy hoạch bố trí ổn định dân cư tại các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, ổn định dân di cư tự do, khu rừng đặc dụng nhằm đạt các mục tiêu sau:

- Ổn định và nâng cao đời sống người dân;
- Hạn chế thiệt hại về người và tài sản do thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Hạn chế dân di cư tự do, hướng luồng di cư tự do theo quy hoạch, kế hoạch có sự quản lý của Nhà nước;
- Giải quyết việc làm, tăng thu nhập của người dân;
- Góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2013-2020 bố trí ổn định 160.000 hộ, trong đó giai đoạn 2013-2015 bố trí ổn định 55.900 hộ, bao gồm 32.100 hộ vùng thiên tai; 6.600 hộ vùng đặc biệt khó khăn; 8.600 hộ vùng biên giới, hải đảo; 8.600 hộ di cư tự do, hộ cư trú trong khu rừng đặc dụng;
- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dự án bố trí dân cư từ 1,5-2%/năm; tỷ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt từ 70-80%; sử dụng điện đạt từ 90-95%; tỷ lệ hộ có nhà kiên cố đạt 70-80%.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi

Chương trình này áp dụng cho việc bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn của cả nước tại các vùng:

- Thiên tai: sạt lở đất, sụt lún đất, lốc xoáy, lũ quét, lũ ống, ngập lũ, xâm nhập mặn, nước biển dâng;
- Đặc biệt khó khăn: thiếu đất, thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng, tác động phóng xạ, ô nhiễm môi trường, các làng chài trên sông nước, đầm phá không có điều kiện hỗ trợ đầu tư để người dân ổn định đời sống lâu dài;
- Vùng biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc; Việt Nam – Lào; Việt Nam – Campuchia và các đảo thuộc biển Đông, biển Tây;
- Vùng có dân di cư tự do đến có đời sống quá khó khăn và khu rừng đặc dụng,

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng để thực hiện Chương trình bao gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân bị mất đất ở, đất sản xuất do sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, sụt lún đất, lốc xoáy;
- Hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, sụt lún đất, ngập lũ, lốc xoáy, sóng thần, xâm nhập mặn, nước biển dâng;
- Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn về đời sống như: thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng, du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước, tác động phóng xạ, ô nhiễm môi trường;
- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, khu kinh tế quốc phòng, hải đảo;
- Hộ gia đình, cá nhân di cư tự do đến các địa bàn trong cả nước không theo quy hoạch bố trí dân cư, đời sống còn khó khăn;
- Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần bố trí ổn định đời sống lâu dài, gắn với bảo vệ và phát triển rừng.

b) Cộng đồng dân cư nơi bố trí ổn định dân cư

- Cộng đồng dân cư vùng dự án tái định cư tập trung;

- Cộng đồng dân cư vùng nhận dân xen ghép;
- Cộng đồng dân cư vùng ổn định tại chỗ;
- Cộng đồng dân cư vùng tiếp nhận dân tái định cư tập trung, xen ghép.

III. CÁC DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020 có 4 nhiệm vụ. Các nhiệm vụ của Chương trình được thực hiện bằng các dự án cụ thể quy định tại Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Để thực hiện tốt mục tiêu của Chương trình, trước hết từ nay đến năm 2015 cần sắp xếp ưu tiên các dự án như sau:

1. Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai.
2. Dự án bố trí ổn định dân cư vùng biên giới, hải đảo.
3. Dự án bố trí ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn.
4. Dự án bố trí ổn định dân di cư tự do, khu rừng đặc dụng.

IV. CÔNG TÁC QUY HOẠCH BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ

Nội dung công tác quy hoạch bố trí dân cư gồm: xây dựng Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư, xây dựng dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư (sau đây gọi chung là dự án bố trí dân cư) và xây dựng phương án bố trí dân cư xen ghép.

1. Xây dựng Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư

a) Việc xây dựng Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư tiến hành theo các bước sau:

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa có Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư căn cứ vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực để xây dựng Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020 theo các đối tượng di dân trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng, thẩm định, phê duyệt xong Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư cần tiến hành rà soát lại mục tiêu, nội dung, hệ thống giải pháp và thẩm định, phê duyệt lại cho phù hợp với nội dung chương trình bố trí dân cư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012;

- Trong quá trình thực hiện Quy hoạch nếu có sự thay đổi cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế của địa phương.

b) Yêu cầu chung của Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch

ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh;

- Xác định mục tiêu số hộ bố trí ổn định hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng huy động nguồn vốn và tổ chức thực hiện tại địa phương trong từng giai đoạn;

- Bảo đảm tính khoa học và kế thừa, dựa trên kết quả điều tra cơ bản, các định mức kinh tế, kỹ thuật, các tiêu chí, chỉ tiêu có liên quan để xây dựng quy hoạch;

- Phương án quy hoạch đề cập cụ thể về vị trí, tên điểm dân cư, nơi xây dựng khu tái định cư, quy mô số hộ bố trí ổn định theo các đối tượng di dân, các loại hình thiên tai (sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, ngập lũ, sụt lún đất, lở xoáy, sóng thần, xâm nhập mặn, nước biển dâng). Đồng thời, sắp xếp thứ tự ưu tiên, trước hết là nơi có nguy cơ rất cao, nguy cơ cao về thiên tai; nơi đặc biệt khó khăn dễ xảy ra di cư tự do; khu vực biên giới đất liền, còn ít dân hoặc chưa có dân sinh sống, có vị trí quan trọng về quốc phòng an ninh;

- Đề xuất được các giải pháp thực hiện quy hoạch như: giải quyết quỹ đất đai, huy động vốn đầu tư, tổ chức phát triển sản xuất, cơ chế chính sách và các giải pháp khác.

c) Nội dung Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư cần thể hiện

- Luận chứng về sự cần thiết của quy hoạch đối với phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư, phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng an ninh và xây dựng nông thôn mới;

- Đánh giá thực trạng các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội có liên quan đến phát triển các điểm dân cư nông thôn; dân cư và phân bố các điểm dân cư; đời sống dân cư; phong tục, tập quán; dân tộc; tôn giáo,...

- Đánh giá kết quả thực hiện bố trí ổn định dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn trước. Chú ý phân tích các mặt được, mặt chưa được, những khó khăn vướng mắc cần phải giải quyết để thực hiện tốt nhiệm vụ này trong giai đoạn tới;

- Xác định nhu cầu bố trí ổn định dân cư trên địa bàn, trong đó số hộ cần thực hiện bố trí ổn định trong giai đoạn 2013-2015 và đến năm 2020;

- Quan điểm, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của Quy hoạch;

- Xây dựng phương án Quy hoạch bố trí ổn định dân cư gồm các nội dung:

- + Tổng số hộ bố trí ổn định, phân theo các hình thức bố trí (tập trung, xen ghép, ổn định tại chỗ) và đối tượng bố trí (thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, rừng đặc dụng);

+ Danh mục các điểm bố trí ổn định dân cư: tên điểm (thôn, xã, huyện); quy mô số hộ; hình thức bố trí; đối tượng bố trí;

+ Danh mục các điểm bố trí ổn định dân cư ở vùng có nguy cơ rất cao, nguy cơ cao về thiên tai; vùng đặc biệt khó khăn dễ xảy ra di cư tự do; vùng biên giới cần ưu tiên thực hiện trước;

+ Tiến độ thực hiện bố trí ổn định dân cư qua các năm.

- Phương án quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng tái định cư tập trung, xen ghép, ổn định tại chỗ (nêu rõ khối lượng, tiêu chuẩn xây dựng, vốn đầu tư của từng loại công trình như: giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, điện sinh hoạt và các công trình phúc lợi);

- Phương án phát triển sản xuất các vùng quy hoạch bố trí ổn định dân cư như: đất sản xuất giao cho hộ; phương hướng sản xuất chính; tổ chức phát triển sản xuất;

- Các giải pháp thực hiện quy hoạch gồm: cơ chế chính sách; đào tạo nguồn nhân lực; huy động vốn đầu tư; tổ chức thực hiện và các giải pháp khác;

- Tính toán sơ bộ hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng của quy hoạch;

- Kết luận và kiến nghị của địa phương.

d) Thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổ chức thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh;

- Văn bản phê duyệt Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, theo dõi, quản lý.

e) Hồ sơ thẩm định Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư trên địa bàn bao gồm:

- Tờ trình của cấp có thẩm quyền đề nghị thẩm định, phê duyệt Quy hoạch. Nội dung tờ trình tóm tắt những nội dung chính của quy hoạch về: phạm vi, mục tiêu, đối tượng, phương án quy hoạch, vốn và nguồn vốn đầu tư, các giải pháp chính và tổ chức thực hiện quy hoạch;

- Báo cáo tổng hợp quy hoạch bố trí dân cư và các phụ biểu kèm theo;

- Hệ thống bản đồ, gồm: bản đồ hiện trạng phân bố các điểm dân cư; bản đồ quy hoạch bố trí dân cư tỷ lệ 1/100.000;

- Văn bản thẩm định quy hoạch của cấp cơ sở;

- Các văn bản pháp lý có liên quan.

2. Lập dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với việc bố trí dân cư vào vùng tập trung)

a) Yêu cầu chung của việc xây dựng các dự án bố trí ổn định dân cư

- Điểm xây dựng dự án bố trí dân cư phải nằm trong Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát sinh phải báo cáo cấp có thẩm quyền có quyết định bổ sung vào quy hoạch tổng thể của địa phương;

- Thể hiện đầy đủ các nội dung về đánh giá thực trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và các luận chứng về phương án bố trí dân cư, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống giải pháp thực hiện theo quy định;

- Xác định phạm vi, mục tiêu, khối lượng, tổng mức đầu tư hợp lý và các giải pháp huy động nguồn vốn để thực hiện, hoàn thành dự án không quá 3 năm đối với dự án nhóm C và 5 năm đối với dự án nhóm B;

- Đánh giá tác động đến môi trường của dự án.

b) Nội dung chủ yếu của dự án bố trí ổn định dân cư cần phải thể hiện:

- Luận chứng các cơ sở thực tiễn và pháp lý về sự cần thiết của dự án;

- Xác định phạm vi, đối tượng, mục tiêu của dự án;

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội vùng bố trí dân cư như: đất đai, nguồn nước, địa hình, khí hậu thời tiết, cơ sở hạ tầng, dân cư và đời sống dân cư, các yếu tố có liên quan đến ổn định đời sống, sản xuất của người di dân;

- Luận chứng các hoạt động của dự án như: bố trí ổn định dân cư, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư;

- Các giải pháp thực hiện dự án, đặc biệt là giải pháp đảm bảo quỹ đất ở, đất sản xuất, huy động các nguồn vốn đầu tư, tổ chức phát triển sản xuất, hoàn thiện kết cấu hạ tầng để xây dựng điểm dân cư phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

- Khái toán vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư và tiến độ thực hiện;

- Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng của việc đầu tư dự án bố trí dân cư.

c) Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí dân cư

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt để hướng dẫn, phối hợp với chính quyền các cấp cơ sở (huyện, xã), rà soát, lựa

chọn, đề xuất danh mục dự án bố trí dân cư theo thứ tự ưu tiên; tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để quyết định chủ trương lập dự án đầu tư bố trí dân cư theo kế hoạch hàng năm;

- Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao là chủ đầu tư căn cứ vào chủ trương lập dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tiến hành lập dự án đầu tư bố trí dân cư theo nội dung hướng dẫn nêu trên và các quy định chung hiện hành;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở ngành có liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định dự án. Hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm:

- + Tờ trình của chủ đầu tư gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thẩm định dự án;

- + Báo cáo thuyết minh dự án và các phụ biểu, số liệu kèm theo;

- + Các sơ đồ, bản vẽ về vị trí, ranh giới vùng dự án; bản đồ hiện trạng, quy hoạch và thiết kế cơ sở các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định;

- + Báo cáo thuyết minh khái toán vốn đầu tư dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo hồ sơ thẩm định phân vốn và nguồn vốn đầu tư gửi lấy ý kiến các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính theo quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về “tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ”;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính có quyết định phê duyệt dự án gửi về các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, tổng hợp và bố trí kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương hàng năm.

3. Lập phương án bố trí dân cư xen ghép

a) Yêu cầu chung

- Địa bàn tiếp nhận các hộ di dân xen ghép phải nằm trong Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Nơi nhận dân xen ghép có khả năng điều chỉnh đất ở và đất sản xuất để giao cho các hộ di dân mới đến; đảm bảo cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và phúc lợi công cộng khi tiếp nhận thêm dân đến theo quy hoạch, kế hoạch.

b) Nội dung chủ yếu của phương án bố trí dân cư xen ghép cần thể hiện:

- Luận chứng về sự cần thiết của phương án bố trí dân cư xen ghép;
- Đánh giá thực trạng các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa bàn dự kiến nhận dân xen ghép. Chú trọng phân tích tình hình dân cư, quỹ đất đai, cơ sở hạ tầng ở các khu vực có khả năng nhận dân xen ghép;
- Xác định mục tiêu về bố trí dân cư xen ghép, bổ sung hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất và đời sống người dân;
- Xây dựng phương án bố trí dân cư xen ghép gồm: số hộ (khẩu); địa danh và điểm nhận dân xen ghép; đối tượng bố trí; tiến độ thực hiện qua các năm;
- Phương án giải quyết giao đất ở, đất sản xuất cho hộ dân xen ghép;
- Phương án xây dựng mới hoặc nâng cấp cơ sở hạ tầng do bổ sung thêm dân đến;
- Các giải pháp tổ chức thực hiện;
- Khái toán tổng mức đầu tư phân theo các nguồn vốn và tiến độ thực hiện.

c) Lập, thẩm định, phê duyệt phương án bố trí dân cư xen ghép

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) chủ trì phối hợp với các cấp chính quyền lập phương án bố trí dân cư xen ghép, tổ chức thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Hồ sơ thẩm định phương án bố trí dân cư xen ghép bao gồm:

- Tờ trình của cơ quan có thẩm quyền gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án bố trí dân cư xen ghép;
- Báo cáo thuyết minh phương án bố trí dân cư xen ghép và các phụ biểu kèm theo.

e) Văn bản phê duyệt phương án bố trí dân cư xen ghép của tỉnh gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, theo dõi và làm căn cứ bố trí kế hoạch hỗ trợ đầu tư hàng năm.

V. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ

1. Yêu cầu chung

- Nội dung kế hoạch phải thể hiện đầy đủ, toàn diện về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm trước, danh mục dự án đầu tư trong năm kế hoạch (gồm dự án tiếp tục thực hiện và dự án khởi công mới), các chỉ tiêu về bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư, các giải pháp thực hiện kế hoạch;

- Huy động lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm như: nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, vốn các chương trình, dự án hiện có, vốn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác trên địa bàn;

- Bảo đảm đầu tư tập trung, có trọng điểm. Ưu tiên đầu tư thực hiện các dự án đang triển khai dở dang; các dự án ở vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao về thiên tai; các dự án ở khu vực đặc biệt khó khăn dễ xảy ra di cư tự do và có vị trí quan trọng về quốc phòng an ninh.

2. Quy trình lập, tổng hợp và giao kế hoạch

- Theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch vốn đầu tư trung hạn, kế hoạch hàng năm và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) các tỉnh hướng dẫn các cấp chính quyền cơ sở xây dựng kế hoạch bố trí ổn định dân cư để tổng hợp, thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh; đồng thời gửi kế hoạch về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp ghi thành danh mục riêng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách được Chính phủ giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính thực hiện lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn để lập kế hoạch phân bổ chi tiết cho các dự án bố trí dân cư trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao cho đơn vị triển khai thực hiện.

3. Nội dung kế hoạch bố trí ổn định dân cư

- Đánh giá thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm về các chỉ tiêu như: bố trí ổn định dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư, phát triển sản xuất các vùng bố trí ổn định dân cư, thực hiện vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư. Nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch bố trí dân cư cần phải khắc phục;

- Phương hướng, nhiệm vụ của năm kế hoạch, gồm: danh mục các dự án đầu tư bố trí dân cư (nêu cụ thể số, ngày, tháng, năm quyết định, tổng vốn được duyệt, vốn đã bố trí đến năm kế hoạch, vốn đã giải ngân, vốn đề nghị hỗ trợ kế hoạch năm); chỉ tiêu bố trí ổn định dân cư (tập trung, xen ghép, ổn định tại chỗ); chỉ tiêu xây dựng cơ sở hạ tầng vùng bố trí dân cư (khai hoang, phục hóa, trồng mới các loại cây nông nghiệp, trồng rừng,...); vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư phân ra vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp kinh tế;

- Các giải pháp thực hiện kế hoạch.

VI. CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ

Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng thuộc đối tượng của Chương trình bố trí ổn định dân cư quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 được hưởng các chính sách như sau:

1. Chính sách đất đai

- Được giao đất ở, đất sản xuất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn Luật Đất đai;

- Miễn giảm tiền sử dụng đất ở đối với hộ di dân ở vùng thiên tai, đồng bào dân tộc ít người đặc biệt khó khăn, làng chài trên sông nước, đầm phá theo quy định tại Quyết định số 33/2011/QĐ-TTg ngày 10/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung (bao gồm cả các vùng bố trí ổn định dân cư tại chỗ nếu không có điều kiện di chuyển), bao gồm các hạng mục:

- Bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có);
- San lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư;
- Khai hoang sản xuất (đối với khai hoang tập trung);
- Đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư đến tuyến giao thông gần nhất);
- Thủy lợi nhỏ;
- Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung;
- Một số công trình thiết yếu khác theo yêu cầu thực tế

3. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình

- Hỗ trợ khai hoang đất sản xuất, trong đó khai hoang đồng ruộng 15 triệu đồng/ha; khai hoang tạo nương cố định 8 triệu đồng/ha (bao gồm các đối tượng di dân tập trung, xen ghép và ổn định tại chỗ);

- Hộ gia đình ở vùng có nguy cơ thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn nếu di chuyển nội vùng dự án mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ; di chuyển trong tỉnh mức hỗ trợ 23 triệu đồng/hộ; di chuyển ngoại tỉnh mức hỗ trợ 25 triệu đồng/hộ;

Trường hợp hộ gia đình bị mất nhà ở, đất ở, đất sản xuất do thiên tai ngoài các mức hỗ trợ này còn được hỗ trợ thêm 12 tháng lương thực theo mức tương đương 30kg gạo tẻ thường/người/tháng;

- Hộ gia đình được bố trí ổn định ở các xã biên giới Việt – Trung thực hiện chính sách theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 1 Quyết định số

570/QĐ-TTg ngày 17/5/2012 và Điểm c, Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 1776 ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- + Di chuyển đến thôn, bản sát biên giới, mức hỗ trợ là 50 triệu đồng/hộ;
- + Di chuyển đến thôn, bản khác (không giáp biên giới) thuộc các xã biên giới, mức hỗ trợ là 32 triệu đồng/hộ.

- Hộ gia đình được bố trí ổn định ở các xã biên giới đất liền Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia nếu di chuyển đến thôn, bản sát biên giới, mức hỗ trợ là 35 triệu đồng/hộ; đến thôn, bản khác (không giáp biên giới), mức hỗ trợ là 30 triệu đồng/hộ;

- Hộ gia đình di chuyển ra các đảo thuộc biển Đông, biển Tây: mức hỗ trợ căn cứ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hộ di cư tự do được bố trí vào vùng quy hoạch, mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/hộ.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức kinh phí cho từng nội dung hỗ trợ về nhà ở, di chuyển người và tài sản, khai hoang, lương thực trong thời gian đầu theo điều kiện thực tế tại địa phương.

4. Chính sách hỗ trợ cộng đồng bố trí dân cư xen ghép

- Nơi bố trí dân cư xen ghép thuộc phương án bố trí dân cư xen ghép được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo chỉ tiêu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, mức hỗ trợ như sau:

- + Thôn, bản sát biên giới Việt – Trung, Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia: mức hỗ trợ là 80 triệu đồng/hộ;

- + Thôn, bản thuộc địa bàn khác (không giáp biên giới): mức hỗ trợ là 50 triệu đồng/hộ.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cộng đồng nhận dân xen ghép để thực hiện các nội dung:

- + Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng ổn định);

- + Xây mới hoặc nâng cấp một số công trình hạ tầng thiết yếu như: lớp học, trạm xá, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình cấp nước cộng đồng.

Các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo thứ tự ưu tiên và phù hợp với thực tế của địa phương trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng sở tại.

5. Hỗ trợ ổn định dân cư tại chỗ

- Hộ gia đình ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ, mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/hộ để nâng cấp nhà ở, mua thuyền, xuống và vật dụng phòng chống thiên tai khác;

- Các hộ nghèo trong xã biên giới Việt – Trung được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 1 Quyết định số 570/2012/QĐ-TTg ngày 17/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/hộ. Các hộ đã hưởng chính sách này sẽ không được hưởng các chính sách về nhà ở khác hiện hành.

6. Các chính sách khác

- Nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ gia đình được bố trí ổn định nhưng không đảm bảo quỹ đất sản xuất nông nghiệp để ổn định đời sống theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch nguồn kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình thuộc Đề án nêu trên;

- Hỗ trợ sản xuất cho hộ gia đình bố trí ổn định tại các vùng dự án tập trung, xen ghép, ổn định tại chỗ theo quy định chính sách và nguồn kinh phí của các chương trình, dự án hiện hành.

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện quản lý, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình bố trí ổn định dân cư, bao gồm:

+ Xây dựng nội dung, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ làm công tác bố trí dân cư ở các cấp từ Trung ương đến các địa phương;

+ Bảo đảm kinh phí chỉ đạo thực hiện chương trình ở các cấp: Trung ương, tỉnh, huyện, xã, bao gồm các hoạt động như: tuyên truyền, kiểm tra, hội thảo, hội nghị và các hoạt động nghiệp vụ khác.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) đề xuất các hoạt động nghiệp vụ cụ thể và xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch hàng năm để tổ chức thực hiện.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ

1. Quy trình bố trí ổn định dân cư

Quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ áp

dụng theo Thông tư số 14/2010/TT-BNNPTNT ngày 19/3/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về “Quy định quy trình bố trí ổn định dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ”.

2. Thực hiện chính sách hỗ trợ

- Áp dụng các chính sách hỗ trợ hộ gia đình được bố trí ổn định được quy định tại khoản 2, Điều 3 Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ kể từ sau ngày 21/11/2012;

- Trường hợp trong cùng 1 dự án bố trí dân cư đã có các hộ di chuyển đến trước được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 78/2008/QĐ-TTg ngày 10/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ thì chính quyền địa phương tuyên truyền, giải thích cho đồng bào tránh thắc mắc, khiếu kiện. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với chính quyền cơ sở rà soát, xem xét các hộ nghèo, đời sống quá khó khăn để có chính sách của địa phương hỗ trợ thêm cho đồng bào ổn định đời sống, sản xuất lâu dài.

VIII. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ

1. Nguồn vốn đầu tư

Chương trình bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020 được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn quy định tại Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012:

- Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương bao gồm nguồn đầu tư phát triển và nguồn sự nghiệp kinh tế;

- Ngân sách địa phương đầu tư trực tiếp cho Chương trình bố trí ổn định dân cư;

- Nguồn vốn huy động hợp pháp tại địa phương;

- Nguồn vốn huy động của dân (chủ yếu là xây dựng nhà ở và phát triển sản xuất).

2. Phân bổ nguồn vốn

a) Việc lập, phân bổ, quyết định giao dự toán vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật;

b) Căn cứ phân bổ:

- Căn cứ vào nhu cầu bố trí ổn định dân cư thực tế và danh mục dự án đầu tư bố trí dân cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Căn cứ khả năng cân đối thu, chi ngân sách của địa phương, ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và ghi thành danh mục riêng để thực hiện kế hoạch bố trí dân cư hàng năm với mức theo quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về “Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng ngân sách Nhà nước giai đoạn 2011-2015”.

3. Sử dụng và quản lý nguồn vốn

a) Các địa phương chủ động bố trí nguồn vốn ngân sách Nhà nước giao cho địa phương quản lý gồm: nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án, nguồn vốn huy động hợp pháp khác trên địa bàn để thực hiện các dự án bố trí dân cư và phương án bố trí dân cư xen ghép, đặc biệt ưu tiên bố trí ổn định các đối tượng cần di dời cấp bách ở các vùng có nguy cơ cao về thiên tai, vùng biên giới chưa có dân hoặc ít dân và vùng quá khó khăn dễ xảy ra di cư tự do;

b) Nguồn vốn của Chương trình bố trí dân cư được sử dụng vào các nội dung:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thuộc dự án bố trí dân cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hỗ trợ chính sách cho các hộ gia đình được bố trí ổn định theo quy hoạch, kế hoạch;

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ làm công tác bố trí dân cư ở các cấp;

- Chi các hoạt động nghiệp vụ phục vụ quản lý, chỉ đạo chương trình như: Tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, đánh giá, hội nghị, hội thảo,...

c) Việc quản lý nguồn vốn đầu tư Chương trình bố trí dân cư thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì làm đầu mối (thường trực) phối hợp với các ngành có liên quan giúp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện các việc:

1. Xây dựng mới hoặc rà soát, bổ sung Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành lĩnh vực và nội dung Chương trình bố trí dân cư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư trên cơ sở thỏa thuận về mục tiêu, giải pháp, tổng mức vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương

với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình bố trí dân cư hàng năm và 5 năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Thực hiện lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án khác trên địa bàn với chương trình bố trí dân cư.

5. Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án bố trí dân cư trên địa bàn.

6. Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình bố trí dân cư 6 tháng, hàng năm, 5 năm gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo các nội dung hướng dẫn trên đây nếu có vướng mắc, địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, ban hành Thông tư hướng dẫn chính thức Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (để b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT; TC, QP;
- Ủy ban Dân tộc;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Chi cục PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, KTHT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Hoàng Văn Thắng